

Công ty Cổ phần Vinafco

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 43

Công ty Cổ phần Vinafco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinafco (“Công ty”) trước đây là Công ty Dịch vụ Vận tải Trung ương – một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2339A/TCCB ngày 16 tháng 12 năm 1987 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 211/2001/QĐ/BGTVT ngày 18 tháng 1 năm 2001 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh các dịch vụ vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường thủy và đường biển trong nước; cung cấp dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi; đại lý vận tải hàng hóa và các ngành nghề khác theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Số 67 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Bá Thăng Long	Chủ tịch	
Ông Phạm Đình Huỳnh	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	
Ông Takashi Kajiwara	Thành viên	
Ông Takeshi Osumi	Thành viên	
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Atsushi Watanabe	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đức Lợi	Trưởng Ban	
Ông Dương Đình Khôi	Thành viên	
Bà Ngô Thị Thu Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Minh Thuận	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vinafco

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

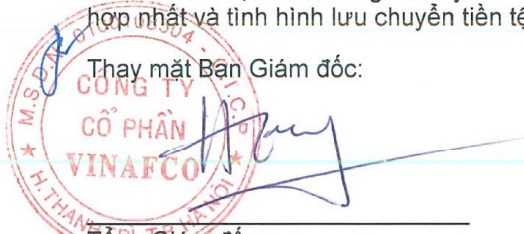
CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60923724/19317623

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafco (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.049.833.702	169.239.245.260
110	I. Tiền	4	12.850.084.605	17.585.139.971
111	1. Tiền		12.850.084.605	17.585.139.971
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		143.252.840.543	143.911.221.206
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	104.826.340.370	101.446.812.503
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	14.941.330.200	2.379.351.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	24.845.841.868	41.454.778.798
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2,6	(1.360.671.895)	(1.369.721.895)
140	III. Hàng tồn kho		90.920.640	104.451.320
141	1. Hàng tồn kho		90.920.640	104.451.320
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.855.987.914	7.638.432.763
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.574.671.090	1.590.503.586
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	5.095.675.803	5.814.659.615
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		185.641.021	233.269.562
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		457.886.321.599	502.117.004.744
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		48.284.215.000	61.355.527.500
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	26	46.758.000.000	59.758.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	1.526.215.000	1.597.527.500
220	II. Tài sản cố định		144.151.449.651	159.377.673.096
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	106.577.104.274	117.328.566.255
222	Nguyên giá		146.028.176.586	142.591.839.684
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(39.451.072.312)	(25.263.273.429)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	-	2.302.038.823
225	Nguyên giá		-	6.445.709.005
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(4.143.670.182)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	37.574.345.377	39.747.068.018
228	Nguyên giá		47.533.612.124	47.470.612.124
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.959.266.747)	(7.723.544.106)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		18.967.037.816	21.590.327.981
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	18.967.037.816	21.590.327.981
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	236.903.892.908	254.389.495.764
251	1. Đầu tư vào công ty con		240.180.000.000	247.601.750.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh		15.823.917.742	15.823.917.742
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.100.024.834)	(9.036.171.978)
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.579.726.224	5.403.980.403
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.579.726.224	5.403.980.403
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		620.936.155.301	671.356.250.004

MỤC LỤC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		191.289.734.332	242.434.914.025
310	I. Nợ ngắn hạn		133.934.131.083	184.918.775.439
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	67.952.359.073	78.860.045.632
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	460.266.323	802.487.496
314	3. Phải trả người lao động		2.702.276.315	1.426.921.393
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.667.951.267	17.236.738.730
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.189.653.268	8.236.954.871
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	52.919.851.644	78.303.354.124
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		41.773.193	52.273.193
330	II. Nợ dài hạn		57.355.603.249	57.516.138.586
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	3.900.519.942	3.748.519.942
338	2. Vay dài hạn	17	52.863.595.663	52.853.944.849
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		591.487.644	913.673.795
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		429.646.420.969	428.921.335.979
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	429.646.420.969	428.921.335.979
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		340.000.000.000	340.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		340.000.000.000	340.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.847.272.500	45.847.272.500
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		8.396.731.623	8.197.444.920
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.729.495.242)	(1.729.495.242)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		11.293.586.504	11.293.586.504
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.729.495.242	1.729.495.242
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.108.830.342	23.583.032.055
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.072.545.352	19.597.297.994
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.036.284.990	3.985.734.061
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		620.936.155.301	671.356.250.004

Người lập
Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng
Lê Thị Minh Phương

Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	286.715.456.538	288.762.505.244
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	286.715.456.538	288.762.505.244
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(265.026.897.591)	(277.873.324.979)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.688.558.947	10.889.180.265
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	26.361.187.465	23.440.643.466
22	7. Chi phí tài chính	21	(19.442.547.896)	(8.614.560.037)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.325.745.953)	(5.918.411.964)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(26.023.504.625)	(21.915.382.331)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.583.693.891	3.799.881.363
31	10. Thu nhập khác	23	1.035.545.945	2.415.775.743
32	11. Chi phí khác	23	(1.749.903.766)	(2.229.923.045)
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác	23	(714.357.821)	185.852.698
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.869.336.070	3.985.734.061
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(833.051.080)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.036.284.990	3.985.734.061



Người lập
Nguyễn Thị Thanh Tâm



Kế toán trưởng
Lê Thị Minh Phương



Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

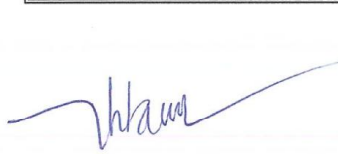
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.869.336.070	3.985.734.061
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7,8,9	17.228.678.128	11.986.306.081
03	Các khoản dự phòng		9.732.616.705	2.842.070.209
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(26.503.419.389)	(24.662.029.330)
06	Chi phí lãi vay	21	9.325.745.953	5.918.411.964
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.652.957.467	70.492.985
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		15.918.711.088	(12.660.787.516)
10	Giảm hàng tồn kho		13.530.680	16.409.795.121
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(8.240.579.766)	19.355.750.854
12	Tăng chi phí trả trước		(4.159.913.325)	(1.684.339.634)
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.343.351.265)	(5.825.957.364)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(833.051.080)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(210.500.000)	(74.712.828)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.797.803.799	15.590.241.618
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(19.464.831.089)	(68.030.122.910)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		145.899.725	1.237.090.910
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(17.393.712.904)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.421.750.000	22.306.207.141
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.761.187.465	4.813.188.420
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		15.864.006.101	(57.067.349.343)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		198.364.711.322	252.991.749.081
34	Tiền trả nợ gốc vay		(223.244.488.901)	(182.776.226.908)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(494.074.087)	(987.600.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.013.600)	(37.081.813.480)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(25.396.865.266)	32.146.108.693
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.735.055.366)	(9.330.999.032)
60	Tiền đầu năm		17.585.139.971	26.913.553.031
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	2.585.972
70	Tiền cuối năm	4	12.850.084.605	17.585.139.971


 Người lập
 Nguyễn Thị Thanh Tâm


 Kế toán trưởng
 Lê Thị Minh Phương


 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Hoàng Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinafco (“Công ty”) trước đây là Công ty Dịch vụ Vận tải Trung ương – một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2339A/TCCB ngày 16 tháng 12 năm 1987 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 211/2001/QĐ/BGTVT ngày 18 tháng 1 năm 2001 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh các dịch vụ vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường thủy và đường biển trong nước; cung cấp dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi; đại lý vận tải hàng hóa và các ngành nghề khác theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Số 67 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 151 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 125 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	66,15%	66,15%	Số 33C, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
2	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco	100%	100%	Trụ sở chính đặt tại 33C, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Văn phòng giao dịch đặt tại Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa.
3	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	100%	100%	Trụ sở chính đặt tại số 33C, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Văn phòng giao dịch đặt tại Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ; dịch vụ hải quan và nhập khẩu ủy thác.
4	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ (i)	73.89%	70%	Số 2/254 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.
5	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng	100%	100%	Đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Bắc Việt (ii)	33,74 %	51%	Phòng 9, Tân Cảng 128, số 8-10 Hạ Đoạn, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
7	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương	100%	100%	Lô N, Đường số 26, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.
8	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang	100%	100%	Cụm Công nghiệp tập trung Đông Phú – giai đoạn 1, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.
9	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung (iii)	51%	51%	Thôn Cương Trung C, Xã Tiến Hóa, Huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình.	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ và dịch vụ hải quan và xuất nhập khẩu ủy thác.

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ vẫn đang trong giai đoạn dự án.
- (ii) Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco (công ty con của Công ty) nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.
- (iii) Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco (công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn) nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") vào ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.